

Số : 679/QĐ-CDHHII

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả học tập
của học viên lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ Cao đẳng khóa 16

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÀNG HẢI II

Căn cứ Quyết định số 1874/QĐ-BLĐTBOXH ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh trên cơ sở nâng cấp Trường Trung học Hàng hải II;

Căn cứ Quyết định số 703/QĐ –BLĐTBOXH ngày 18/05/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Hàng hải thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Hàng hải II;

Căn cứ Quyết định số 822/QĐ-CDHHII ngày 20/09/2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hàng hải II về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Hàng hải II;

Căn cứ Thông tư số 28/2011/TT-BLĐTBOXH ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc quy định Chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ Sư phạm cho Nhà giáo dạy trình độ Trung cấp, dạy trình độ Cao đẳng, mẫu và quy chế quản lý, cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm dạy trình độ Trung cấp, dạy trình độ Cao đẳng;

Căn cứ Công văn số 229/TCĐN-GV ngày 04 tháng 02 năm 2015 của Tổng cục Dạy nghề (nay là Tổng cục Giáo dục Nghề nghiệp) cho phép thí điểm đào tạo cấp Chứng chỉ sư phạm dạy nghề;

Căn cứ vào biên bản họp ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc xét công nhận kết quả học tập và đủ điều kiện cấp chứng chỉ Sư phạm dạy nghề của học viên lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho Nhà giáo dạy trình độ Cao đẳng khóa 16 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ Sư phạm cho Nhà giáo dạy trình độ Cao đẳng khóa 16 năm 2020 (kèm theo danh sách, kết quả học tập);

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Điều 3. Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa: Đào tạo; Sư phạm Giáo dục Nghề nghiệp; các học viên tại Điều 1 và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Tổng cục GDNN (để b/c);
- Ban giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT, KSPGDNN.



TS. Trương Thanh Dũng

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG HÀNG HẢI II

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 11 năm 2020

DANH SÁCH

Học viên đủ điều kiện cấp chứng chỉ lớp Sư phạm dạy nghề khóa 16
(Ngày học 23 tháng 07 năm 2020 đến ngày 29 tháng 10 năm 2020)
Quyết định số 679/QĐ-CDHHII ngày 02 tháng 11 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Hàng hải II)

STT	HỌ VÀ TÊN	Ngày/tháng Năm sinh	NGUYÊN QUẢN	GIỚI TÍNH	MĐ SPCĐ 01	MĐ SPCĐ 02	MĐ SPCĐ 03	MĐ SPCĐ 04	MĐ SPCĐ 05	MĐ SPCĐ 06	MĐ SPCĐ 07	TRUNG BÌNH	XẾP LOẠI
1	Phạm Phước Bảo ✓	01/10/1988	Kiên Giang	Nam	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.1	Khá
2	Trương Đặng Hoàng Dương ✓	15/02/1991	Thái Bình	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
3	Đỗ Hoàng Thanh Ngân ✓	02/04/1997	Kiên Giang	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	6.0	7.0	7.0	7.0	Khá
4	Nguyễn Đình Sơn ✓	24/06/1972	An Giang	Nam	9.0	9.5	8.5	8.5	9.0	9.0	9.5	9.0	Giỏi
5	Hình Hồng Nhung ✓	23/12/1981	Kiên Giang	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
6	Mai Văn Giác ✓	10/10/1985	Kiên Giang	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	7.2	Khá
7	Nguyễn Thùy Trinh ✓	16/09/1991	Cà Mau	Nữ	9.5	9.0	8.5	9.0	8.5	9.0	9.5	9.0	Giỏi
8	Trần Nguyên Tô Linh ✓	09/07/1977	Kiên Giang	Nữ	9.5	9.0	8.5	8.5	9.0	9.0	9.5	9.0	Giỏi
9	Lưu Minh Tâm ✓	01/02/1987	Kiên Giang	Nam	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.1	Khá
10	Nguyễn Phong Nhã ✓	09/03/1990	Kiên Giang	Nam	9.0	9.5	8.5	8.5	9.0	9.0	9.5	9.0	Giỏi
11	Trần Thị Thu Thảo ✓	16/01/1996	Kiên Giang	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
12	Trần Thị Diễm Nga ✓	24/07/1979	Kiên Giang	Nữ	9.5	9.0	8.5	9.0	8.5	9.0	9.5	9.0	Giỏi
13	Lê Thái Bình ✓	15/07/1997	Trà Vinh	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	7.2	Khá
14	Trần Lê Minh Khang ✓	24/12/1992	Kiên Giang	Nam	7.0	6.0	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	7.0	Khá
15	Nguyễn Duy Minh ✓	01/04/1993	Kiên Giang	Nam	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.7	Khá
16	Trương Ngọc Hân ✓	09/04/1985	Kiên Giang	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
17	Trương Khánh Linh ✓	23/07/2000	Ninh Bình	Nữ	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.1	Khá
18	Lê Thị Thúy Vi ✓	15/07/1995	Kiên Giang	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
19	Đặng Ngọc Quỳnh Như ✓	29/12/2000	Kiên Giang	Nữ	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
20	Thái Hữu Trung ✓	19/11/1977	Kiên Giang	Nam	8.0	7.5	8.0	7.5	8.5	8.0	9.0	8.1	Khá
21	Nguyễn Thị Mộng Tuyền ✓	08/05/1998	An Giang	Nữ	9.0	9.5	8.5	8.5	9.0	9.0	9.5	9.0	Giỏi
22	Phạm Tô Uyên ✓	26/02/1997	Kiên Giang	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
23	Nguyễn Thị Huỳnh Anh ✓	26/04/1997	Kiên Giang	Nữ	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
24	Nguyễn Hữu Cường ✓	22/10/1993	Kiên Giang	Nam	8.0	7.5	8.0	7.5	8.5	8.0	9.0	8.1	Khá
25	Nguyễn Minh Chánh ✓	16/04/1982	Kiên Giang	Nam	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá

26	Hà Thanh Thùy	30/07/1998	Kiên Giang	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.2	Khá
27	Vũ Quang Thắng	29/01/1970	Nam Định	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	Khá
28	Đặng Thanh Vân	19/11/1970	Kiên Giang	Nữ	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
29	Trần Thị Thủy Duy	12/04/1994	Kiên Giang	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
30	Trần Thị Hà Dương	10/04/1993	Hà Tĩnh	Nam	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.1	Khá
31	Phạm Xuân Hiếu	22/10/1990	Vĩnh Long	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
32	Phạm Thị Phượng	21/08/1990	Thái Bình	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
33	Nguyễn Văn Lẻ	30/12/1986	Kiên Giang	Nam	8.5	9.0	9.0	9.0	9.5	9.5	9.0	9.1	Giỏi
34	Nguyễn Văn Phước	16/02/1986	Kiên Giang	Nam	9.0	9.5	8.5	8.5	9.0	9.0	9.5	9.0	Giỏi
35	Huỳnh Bá Di	16/04/1993	An Giang	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
36	Huỳnh Thị Mai Thanh	16/04/1996	Kiên Giang	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
37	Nguyễn Thị Ngọc Thuận	16/06/1985	Kiên Giang	Nữ	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
38	Huỳnh Việt Hân	04/08/1982	Cà Mau	Nam	8.0	7.5	8.0	7.5	8.5	8.0	9.0	8.1	Khá
39	Dương Văn Trọn	02/02/1982	Kiên Giang	Nam	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
40	Nguyễn Thị Thủy Hương	17/11/1977	Nam Định	Nữ	9.0	9.5	9.0	9.0	9.5	9.5	10	9.4	Giỏi
41	Lê Phương Uyên	25/03/1995	Đà Nẵng	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
42	Dương Cao Trọng Hiếu	30/11/1995	Thái Nguyên	Nam	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
43	Trần Minh Trung	01/06/1984	Phú Thọ	Nam	8.0	7.5	8.0	7.5	8.5	8.0	9.0	8.1	Khá
44	Nguyễn Đức Thanh Bình	13/04/1976	Thừa Thiên - Huế	Nam	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
45	Nguyễn Thị Quang Ngọc	20/07/1975	Ninh Bình	Nữ	9.5	9.0	8.5	9.0	8.5	9.0	9.5	9.0	Giỏi
46	Đỗ Đức Thuận	27/08/1976	Bắc Ninh	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	Khá
47	Phan Trần Hữu Thuận	15/04/1996	Ninh Bình	Nam	7.0	6.0	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	7.7	Khá
48	Phan Đào Mai Linh	02/02/1984	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
49	Thân Thị Thu Thảo	04/01/1987	Bắc Ninh	Nữ	9.5	9.0	8.5	9.0	8.5	9.0	9.5	9.0	Giỏi
50	Tạ Thị Tú Trinh	20/10/1982	Hưng Yên	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	Khá
51	Nguyễn Bá Ngọc	23/02/1969	Nghệ An	Nam	9.5	9.0	8.5	8.5	9.0	9.0	9.5	9.0	Giỏi
52	Nguyễn Quang Anh Chương	15/02/1978	Thái Bình	Nam	8.5	9.0	9.0	9.0	9.5	9.5	9.5	9.1	Giỏi
53	Chu Văn Nghĩa	15/05/1977	Hà Tĩnh	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.0	7.2	Khá
54	Phan Thị Thu Thủy	24/02/1966	Tp.Hồ Chí Minh	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	Khá
55	Huỳnh Thị Giàu	26/06/1981	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	7.0	6.0	8.0	7.0	6.0	8.0	7.0	7.0	Khá
56	Trần Thị Quy	27/03/1967	Quảng Nam	Nữ	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
57	Phạm Thị Thúy Hồng	16/09/1983	Khánh Hòa	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.3	Khá
58	Nguyễn Bửu Tân	09/09/1988	An Giang	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
59	Lê Thị Mỹ Việt	10/09/1989	Ninh Thuận	Nữ	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
60	Lê Văn Hùng	20/01/1980	Hưng Yên	Nam	8.0	7.5	8.0	7.5	8.5	8.0	9.0	8.1	Khá
61	Lê Bá Phước	16/10/1985	Long An	Nam	8.0	7.5	8.0	7.5	8.5	8.0	9.0	8.1	Khá
62	Nguyễn Văn Trần	06/11/1966	Bắc Ninh	Nam	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
63	Nguyễn Văn Vi	11/11/1967	Hà Nội	Nam	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá

64	Nguyễn Ngọc Thừa ✓	27/08/1980	Long An	Nam	8.0	9.0	9.0	9.0	9.5	9.5	9.0	9.0	Giỏi
65	Nguyễn Quang Bình ✓	10/04/1978	Long An	Nam	8.0	7.5	8.0	8.0	8.0	8.0	9.0	8.1	Khá
66	Phạm Thị Hồng Phấn ✓	25/05/1988	Phú Yên	Nữ	6.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	7.0	7.3	Khá
67	Trương Thanh Truyền ✓	27/03/1961	Tp.Hồ Chí Minh	Nữ	8.0	7.0	8.0	8.0	8.0	7.0	8.0	7.7	Khá
TỔNG CỘNG : 67 Học viên													

MĐSPCĐ 01: Thiết kế dạy học

MĐSPCĐ 03: Đánh giá trong dạy học

MĐSPCĐ 05: Phát triển chương trình đào tạo

MĐSPCĐ 02: Thực hiện dạy học

MĐSPCĐ 04: Tổ chức hoạt động giáo dục

MĐSPCĐ 06: Nghiên cứu khoa học GDNN

MĐSPCĐ07: Thực tập sư phạm

Người lập bảng

Trưởng Khoa

Trang
Nguyễn Thị Hoàng Trang

Hồ Sĩ Lợi



Hiệu trưởng

HIỆU TRƯỞNG
TS. Trương Thanh Dũng

